

PHÂN TÍCH CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TÍNH BỀN VỮNG CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

Phạm Văn Hạnh¹, La Quý Dương²,
Nông Thị Dung³

Tóm tắt

Các doanh nghiệp nhỏ và vừa đóng một vai trò rất quan trọng trong phát triển của mỗi địa phương. Bài nghiên cứu này phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới tính bền vững của doanh nghiệp nhỏ và vừa với các giả thuyết nghiên cứu về ảnh hưởng của các yếu tố như hiệu quả kinh doanh, khả năng phục hồi kinh doanh, am hiểu về kế toán và yếu tố công nghệ có ảnh hưởng tới tính bền vững của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Kết quả nghiên cứu chỉ ra các nhân tố như hiệu quả kinh doanh, khả năng phục hồi kinh doanh, am hiểu về kế toán, và công nghệ là những nhân tố ảnh hưởng tới tính bền vững của các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Từ kết quả nghiên cứu một số giải pháp nhằm nâng cao khả năng tính bền vững của các doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng được đưa ra giúp các chủ doanh nghiệp có giải pháp hợp lý nhằm phát triển các doanh nghiệp một cách bền vững.

Từ khóa: tính bền vững, kết quả kinh doanh, khả năng phục hồi, kiến thức về kế toán, công nghệ.

ANALYSIS OF FACTORS AFFECTING THE SUSTAINABILITY OF SMALL AND MEDIUM ENTERPRISES IN THAI NGUYEN PROVINCE

Abstract

Small and medium-sized enterprises play a very important role in the development of each locality. This study analyzes the factors affecting the sustainability of small and medium-sized enterprises with research hypotheses about the influence of factors such as business efficiency, business resilience, understanding of accounting and technological factors that affect the sustainability of small and medium-sized enterprises in Thai Nguyen province. Research results show that factors such as business efficiency, business resilience, accounting knowledge, and technology are factors that affect the sustainability of small and medium-sized enterprises. From the research results, a number of solutions to improve the sustainability of small and medium-sized enterprises are also proposed to help business owners have reasonable solutions to develop their businesses sustainably.

Keywords: sustainability, business performance, business resilience, knowledge of accounting, technology.

JEL classification: M1, M2.

1. Đặt vấn đề

Đối với doanh nghiệp kinh doanh, phát triển bền vững là quá trình phát triển dựa trên các chiến lược và hoạt động kinh doanh đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và các bên liên quan ở hiện tại đồng thời bảo vệ, duy trì và tăng cường nguồn nhân lực và tài nguyên thiên nhiên sẽ cần trong tương lai. Theo Bradley D. Parrish (2005): Phát triển bền vững doanh nghiệp có thể được định nghĩa là một tổ chức góp phần phát triển bền vững, nơi "bền vững" được hiểu như là một tương lai con người và "phát triển" được hiểu là một sự cải thiện chất lượng trong điều kiện con người. Thực

tế cho thấy các doanh nghiệp dễ dàng khởi sự kinh doanh, hoạt động nhạy bén theo thị trường. Tuy nhiên, các doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng bộc lộ các hạn chế. Tỷ lệ các doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập mới và giải thể rất cao. Điều này cho thấy, tính bền vững của các doanh nghiệp nhỏ và vừa còn thấp. Một doanh nghiệp có tính bền vững cao có khả năng đứng vững với những thay đổi của môi trường kinh doanh mà không bị phá sản hoặc giải thể. Trong môi trường kinh doanh biến động và thay đổi nhanh chóng như hiện nay thì tính bền vững càng trở nên quan trọng. Các vấn đề khó lường thường xuyên xảy ra và do vậy nếu

không có sự thích ứng kịp thời và chủ động thì dễ dẫn tới nguy cơ phá sản.

Thái Nguyên là một tỉnh có vị trí trung tâm ở khu vực Đông Bắc. Số lượng doanh nghiệp của Thái Nguyên khoảng hơn 9800 doanh nghiệp đang hoạt động và 90% là các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Trong năm 2023, Thái Nguyên đã cấp mới đăng ký kinh doanh cho 1.071 doanh nghiệp, với số vốn đăng ký 8.921 tỷ đồng; cấp điều chỉnh thay đổi cho 1.962 doanh nghiệp và cấp phép thành lập 452 đơn vị trực thuộc; số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong năm là 440 đơn vị. Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng có 787 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động và 111 doanh nghiệp giải thể (Báo Thái Nguyên, 2024). Vì vậy, duy trì tính bền vững trong phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa có ý nghĩa rất lớn, góp phần vào sự phát triển ổn định của tỉnh. Tuy nhiên cũng như các địa phương khác, tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới và giải thể của Thái Nguyên cũng rất lớn. Vì vậy, nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng tới tính bền vững của các doanh nghiệp nhỏ và vừa là rất cần thiết. Hiện nay cũng chưa có nghiên cứu nào đề cập tới vấn đề này tại Thái Nguyên.

Hiện nay có một số công trình nghiên cứu về phát triển bền vững của doanh nghiệp. Trong nghiên cứu của Nguyễn Thị Phúc Doanh và đồng nghiệp (2023) cũng đã phân tích các nhân tố định lượng ảnh hưởng đến phát triển bền vững của doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam. Các nhân tố bao gồm: đầu tư đổi mới, lao động, vốn vật chất, hình thức sở hữu, và xuất khẩu. Một số nghiên cứu của nước ngoài có đề cập đến các yếu tố ảnh hưởng tới phát triển bền vững như trong nghiên cứu của Devi Permatasari (2023) gồm các yếu tố như: thông tin kế toán, vốn hoạt động, công nghệ. Trong nghiên cứu của Sigar và đồng nghiệp (2022) có đề cập đến các yếu tố ảnh hưởng tới phát triển bền vững các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa bao gồm: nguồn vốn con người, kỹ năng nghề, kỹ năng khởi nghiệp, và nghiên cứu và phát triển. Nghiên cứu này đi sâu nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố gồm hiệu quả kinh doanh, khả năng phục hồi kinh doanh, am hiểu về kế toán, và công nghệ ảnh hưởng tới tính bền vững của doanh nghiệp. Trong đó bài

viết đi sâu xem xét tính bền vững của doanh nghiệp nhỏ và vừa là khả năng phát triển mang tính dài hạn đảm bảo sự thành công lâu dài của doanh nghiệp vừa là cách giải quyết hài hòa lợi ích các bên liên quan và toàn xã hội.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Tính bền vững của doanh nghiệp

Phát triển bền vững được định nghĩa là sự phát triển nhằm thỏa mãn được nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng các nhu cầu đó của các thế hệ tương lai trên cơ sở kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường. Bằng cách tập trung vào mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên, con người có trách nhiệm cân bằng nhu cầu của hiện tại và tương lai khi hướng tới mục tiêu phát triển (Baumgärtne, & Quaas, 2009). Như vậy, phát triển bền vững là khả năng phát triển của doanh nghiệp dựa trên sự đáp ứng lợi ích của các bên liên quan trên ba góc độ: lợi nhuận, con người, và môi trường.

Tính bền vững của doanh nghiệp trở thành vấn đề chính trong thế giới kinh doanh vì đây là mục tiêu chính của mọi doanh nghiệp, cả doanh nghiệp nhỏ và vừa và doanh nghiệp toàn cầu. Tính bền vững của doanh nghiệp cũng là yếu tố được quan tâm nhất do các nghiên cứu thực nghiệm cho thấy các doanh nghiệp nhỏ và vừa, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ là những thực thể rất dễ bị tổn thương về tính bền vững và hầu hết các doanh nghiệp nhỏ đều đóng cửa trong những năm đầu tiên. Hơn nữa, các nghiên cứu khác cho rằng tính bền vững của doanh nghiệp hỗ trợ cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, tăng trưởng kinh tế, đổi mới và lực lượng lao động. Các yếu tố hỗ trợ sự bền vững bao gồm ảnh hưởng của tài chính, các bên liên quan và sự đổi mới.

Theo các kết quả thống kê tại Mỹ, số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập mới sau đó giải thể thường chiếm 50% sau 3 năm và 80% sau 10 năm. Tại Việt Nam đối với các doanh nghiệp thành lập mới với số vốn dưới 10 tỷ thường phá sản 95% sau 3 năm. Tính bền vững của doanh nghiệp quyết định mức độ chịu đựng rủi ro cũng như khả năng tồn tại của doanh nghiệp.

Điều này cho thấy xây dựng tiềm năng phát triển dài hạn mang tính bền vững là rất cần thiết.

2.2. Các yếu tố ảnh hưởng tới tính bền vững của doanh nghiệp

Tư duy về phát triển bền vững đã được đề cập từ lâu bởi các nhà khoa học. Tuy nhiên, các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển bền vững của doanh nghiệp hiện nay có nhiều quan điểm khác nhau.

Theo một số quan điểm phổ biến cho rằng hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Hiệu quả kinh doanh được coi là thước đo cho biết mức độ mà một doanh nghiệp có thể thực hiện các hoạt động và quy trình của doanh nghiệp một cách hiệu quả hay không, là tiêu chí để đánh giá liệu doanh nghiệp có thành công hay không và liệu doanh nghiệp có thể tồn tại trên thị trường hay phải rời bỏ (Wang và đồng nghiệp., 2017). Nếu không đạt mục tiêu về hiệu quả kinh doanh đặc biệt là mục tiêu dài hạn thì doanh nghiệp khó đạt được sự phát triển bền vững.

Bên cạnh đó khả năng phục hồi trong kinh doanh cũng đóng vai trò quan trọng trong việc định hình sự phát triển của doanh nghiệp. Khả năng phục hồi nên được coi là khả năng đối phó với nghịch cảnh, chịu đựng những cú sốc và liên tục thích ứng và tăng tốc khi có sự gián đoạn và khủng hoảng phát sinh theo thời gian (Marchese và đồng nghiệp, 2018). Nếu doanh nghiệp không có khả năng phục hồi sau các biến cố thì tính bền vững trong phát triển cũng rất thấp.

Không có thước đo tiêu chuẩn nào về hiệu suất của công ty, nhưng thông thường nó được chia thành hai loại, đó là hiệu quả tài chính và hiệu quả phi tài chính. Mặc dù hiệu quả tài chính được coi là tiêu chuẩn quan trọng nhất đối với hiệu quả hoạt động của công ty (Ittner & Larcker, 1998), nhưng việc đo lường phi tài chính là rất cần thiết để khắc phục những bất cập của việc đo lường tài chính (Lau & Sholihin, 2005).

Am hiểu về kế toán là mức độ doanh nghiệp am hiểu về kế toán và các trình tự kế toán tài chính trong doanh nghiệp. Am hiểu về kế toán cũng là một trong những yếu tố quan trọng góp phần vào

sự phát triển bền vững của tổ chức. Hoạt động kế toán tốt sẽ góp phần sử dụng nguồn lực tối ưu hơn và hiệu quả hơn, góp phần tiết kiệm tài nguyên cũng như bảo vệ môi trường. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa thường thiếu kiến thức về kế toán nên quản lý chi phí thường thiếu chặt chẽ. Một doanh nghiệp nếu không có sự quản lý tốt về chi phí sẽ rất dễ phá sản hoặc giải thể.

Kiến thức kế toán hoặc kiến thức tài chính là một trong những nguồn lực quan trọng của doanh nghiệp. Kiến thức tài chính rất quan trọng để hỗ trợ sự bền vững của các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở cả các nước phát triển và đang phát triển (Wise, 2013). Trình độ hiểu biết tài chính thấp sẽ dẫn đến thực hành quản lý tài chính kém và thường dẫn đến sai sót tài chính (Lusardi & Mitchell, 2013). Huston (2010) cho rằng hiểu biết về tài chính là cần thiết để các công ty có thể đối phó với những thay đổi kinh tế nhanh chóng hiện nay. Ngoài ra, Widdowson và Hailwood (2007) kết luận rằng những người có kiến thức vững chắc về tài chính, kế toán có nhiều khả năng đầu tư vào các dự án phức tạp hơn và có nhiều khả năng thành công hơn. Do đó, hiểu biết về tài chính đã trở thành một trong những động lực quan trọng nhất trong việc ra quyết định của tổ chức (Allgood và cộng sự, 2016) và lập kế hoạch tài chính chiến lược dài hạn (Lusardi & Mitchell, 2013) nhằm giúp các công ty duy trì sự bền vững.

Công nghệ cũng đóng vai trò to lớn trong phát triển bền vững. Công nghệ cùng với đổi mới sáng tạo sẽ góp phần giúp doanh nghiệp đạt được mục tiêu về tài chính nhưng vẫn đạt được mục tiêu về môi trường và con người. Đổi mới công nghệ sẽ góp phần giúp doanh nghiệp đạt được ưu thế về chi phí, chất lượng hoặc thời gian cung cấp để cạnh tranh thắng lợi. Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, phát triển bền vững có vai trò rất quan trọng. Nếu các doanh nghiệp không chú trọng đến phát triển bền vững thì rất dễ bị tổn thương khi có các biến cố xảy ra. Không thể phủ nhận trình độ công nghệ mang lại lợi ích cho hiệu quả kinh doanh và tính bền vững nói chung (Jeon và cộng sự, 2006). Nó thích ứng và áp dụng trong các quy trình kinh doanh bằng cách vận hành máy móc và công cụ

hiện đại, trong tiếp thị kinh doanh bằng cách triển khai marketing trên nền tảng số, trong chiến lược kinh doanh bằng cách sử dụng dữ liệu lớn và chuỗi dữ liệu khối cũng như trong tính bền vững của kinh doanh bằng cách dự đoán xu hướng và dự báo trong tương lai.

Từ phần thảo luận trên, các giả thuyết được đưa ra như sau:

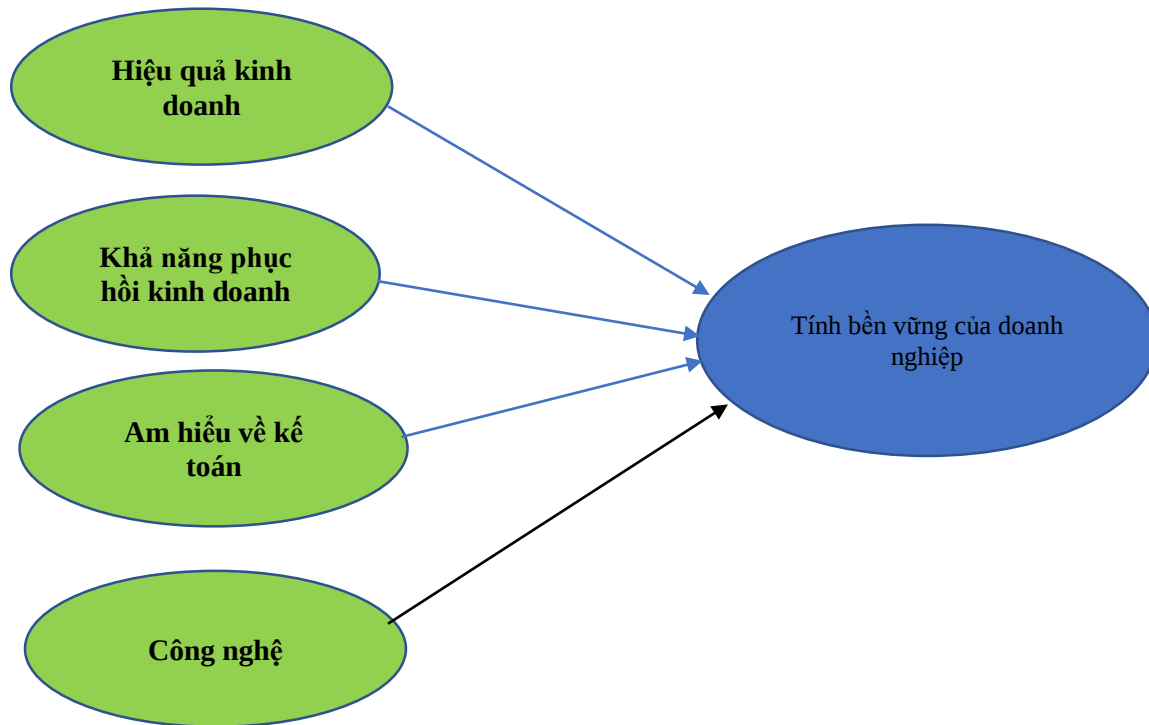
H1: Hiệu quả kinh doanh có tác động thuận

chiều đến phát triển bền vững của doanh nghiệp.

H2: Khả năng hồi phục hoạt động kinh doanh có tác động thuận chiều đến phát triển bền vững của doanh nghiệp.

H3: Am hiểu về kế toán có tác động thuận chiều đến phát triển bền vững của doanh nghiệp.

H4: Công nghệ có tác động thuận chiều đến phát triển bền vững của doanh nghiệp.



Hình 1: Mô hình nghiên cứu

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi để thu thập số liệu. Nghiên cứu bảng hỏi có khả năng tìm hiểu vấn đề trong điều kiện thực tế hơn là việc nghiên cứu bị giới hạn trong phòng thí nghiệm hoặc trong các điều kiện giả định.

3.1. Mẫu nghiên cứu

Mẫu nghiên cứu được lựa chọn một cách ngẫu nhiên trong số cán bộ quản lý và nhân viên của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Số lượng mẫu được xác định theo số lượng mục hỏi được sử dụng trong bảng hỏi và độ tin cậy của thang đo. Theo đó, số mẫu được xác định theo công thức $n=5*k+50$ trong đó n là số lượng mẫu điều tra, k là số mục hỏi dùng trong

bảng hỏi. Giả sử số mục hỏi sử dụng trong bảng hỏi là 20 thì số mẫu điều tra sẽ là $5*20+50=150$ quan sát. Trong nghiên cứu này số mục hỏi sử dụng là 20 mục và để đảm bảo độ tin cậy thang đo cũng như dự phòng lỗi khi trả lời phiếu của người tham gia, tác giả cũng tiến hành điều tra với số lượng phiếu điều tra là 160 người.

3.2. Đo lường

Để đo lường biến tính bền vững bốn mục hỏi được trích và điều chỉnh từ nghiên cứu của Jiazhe Sun và các đồng nghiệp năm 2018. Biến hiệu quả kinh doanh được đo bằng 4 mục hỏi được trích từ nghiên cứu của Nur và các đồng nghiệp năm (2021). Bốn mục hỏi được dùng để đo lường cho khả năng phục hồi trong kinh doanh cũng được điều chỉnh từ nghiên cứu của Nur và các

đồng nghiệp (2021). Bốn mục hỏi đo lường cho biến am hiểu về kế toán và bốn mục hỏi đo lường cho biến công nghệ cũng được trích từ nghiên cứu của Nur và các đồng nghiệp (2021).

3.3. Quy trình thu thập số liệu

Phiếu điều tra được khảo sát online qua zalo đến những chủ doanh nghiệp và người lao động tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa tỉnh Thái Nguyên bởi nhóm cán bộ khảo sát. Người trả lời được mô tả lý do tiến hành nghiên cứu này và sau đó được mô tả về nội dung phiếu điều tra. Sau khi tiếp nhận phiếu, dựa trên câu hỏi điều tra người trả lời sẽ trả lời một cách khách quan dựa trên am hiểu và trải nghiệm thực tế của họ.

3.4. Quy trình phân tích số liệu

Số liệu sau khi điều tra sẽ được kiểm tra, mã hóa và nhập vào phần mềm. Quá trình kiểm tra

lỗi của dữ liệu sẽ được thực hiện để loại bỏ các phần lỗi nhập liệu do kỹ thuật. Căn cứ vào kết quả phân tích số liệu để đưa ra các kết luận về những những số liệu chưa phù hợp. Số liệu sau đó sẽ được đánh giá độ hội tụ và độ tin cậy. Theo đó, khi phân tích nhân tố nếu các mục hỏi giải thích cho một nhân tố với hệ số tải lớn và tương quan biến tổng lớn hơn 0,5, hệ số Cronbach Alpha lớn hơn hoặc bằng 0,7 là đạt yêu cầu tiến hành phân tích nhân tố khẳng định.

4. Phân tích kết quả

4.1. Thông tin mẫu nghiên cứu

Đối tượng khảo sát trong nghiên cứu gồm những người có độ tuổi từ 20- 45 tuổi. Trong đó số lượng nam chiếm 63,1% và nữ chiếm 36,9%. Cơ cấu độ tuổi và giới tính của mẫu nghiên cứu được thể hiện ở bảng dưới đây.

Bảng 1: Thông tin về mẫu nghiên cứu

Mục	Đặc điểm	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Tuổi	20-25 tuổi	22	13.75
	26-30 tuổi	23	14.38
	31-35 tuổi	49	30.63
	36-40 tuổi	45	28.13
	41-45 tuổi	21	13.13
	Tổng số	160	100.0
Giới tính	Nữ	59	36,9
	Nam	101	63,1
	Tổng số	160	100.0

Thông tin mẫu cho thấy độ tuổi từ 20-25 tuổi chiếm tỷ lệ 13,75%, nhóm tuổi 26-30 chiếm 14,38%, nhóm 31-35 là 30,63%; nhóm 36-40 tuổi chiếm 28,13% và nhóm từ 41-45 tuổi chiếm 13,13%. Đây là những người trong độ tuổi lao động tại doanh nghiệp.

4.2. Kiểm định thang đo

Kết quả phân tích nhân tố và kiểm định độ tin cậy đối với thang đo về hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp cho thấy thang đo này đảm bảo độ hội tụ và tin cậy khi giải thích cho

một nhân tố, tương quan biến tổng đều cao hơn 0,5. Hệ số Cronbach Alpha đạt 0,76. Các mục hỏi giải thích được 69,2% phương sai trích khi phân tích nhân tố. Bốn mục hỏi được sử dụng để phân tích hồi quy.

Kết quả phân tích nhân tố và kiểm định độ tin cậy thang đo về khả năng phục hồi trong kinh doanh cho thấy, thang đo này cũng thể hiện độ tin cậy và hội tụ khi các mục hỏi giải thích cho một nhân tố, giá trị tương quan biến tổng cao trên 0,5. Hệ số Cronbach Alpha đạt 0,81, giá trị

phương sai trích đạt 72,5%. Bốn mục hỏi này thể hiện được độ hội tụ và độ tin cậy được sử dụng để phân tích tiếp theo.

Bốn mục hỏi đo lường cho biến am hiểu về kế toán cũng đảm bảo độ tin cậy và hội tụ với giá trị Cronbach Alpha đạt 0,79. Giá trị phương sai trích đạt 70,6%. Bốn mục hỏi này được sử dụng để phân tích tiếp theo.

Kết quả phân tích nhân tố cũng chỉ ra bốn mục hỏi đo lường cho biến công nghệ cũng giải thích cho một nhân tố với tương quan biến tổng đều lớn hơn 0,5. Hệ số Cronbach Alpha đạt 0,77.

Giá trị phương sai trích đạt 68,5%. Thang đo này đảm bảo độ tin cậy và hội tụ. Các mục hỏi tiếp tục được sử dụng để phân tích các bước tiếp theo.

Kết quả kiểm định thang đo cũng chỉ ra bốn mục hỏi đo lường cho biến tính bền vững cũng đảm bảo độ tin cậy và hội tụ với giá trị Cronbach Alpha đạt 0,77. Giá trị phương sai trích đạt 67,8%. Bốn mục hỏi này được sử dụng để phân tích tiếp theo. Tổng hợp kết quả phân tích cho thấy các thang đo đảm bảo độ hội tụ và độ tin cậy. Các chỉ số đo lường đều cao. Các mục hỏi này tiếp tục được sử dụng để phân tích các bước tiếp theo.

Bảng 2: Hệ số tải, tương quan biến tổng, giá trị phương sai trích và hệ số Cronbach Alpha của các thang đo

Mục hỏi/nhân tố	Hệ số tải	Tương quan biến tổng	% phương sai giải thích	Hệ số Alpha
Hiệu quả kinh doanh			69,2	0,76
BP1	0,90	0,74		
BP2	0,90	0,71		
BP3	0,89	0,70		
BP4	0,89	0,70		
Khả năng phục hồi kinh doanh			72,5	0,81
BR1	0,91	0,77		
BR2	0,91	0,77		
BR3	0,89	0,75		
BR4	0,93	0,79		
Am hiểu về kế toán			70,6	0,79
AL1	0,89	0,66		
AL2	0,85	0,63		
AL3	0,90	0,71		
AL4	0,90	0,71		
Công nghệ			68,5	0,77
CN1	0,94	0,72		
CN2	0,87	0,68		
CN3	0,90	0,70		
CN4	0,90	0,70		
Phát triển bền vững			67,8	0,77
SD1	0,87	0,70		
SD2	0,88	0,71		
SD3	0,88	0,71		
SD4	0,86	0,70		

4.3. Phân tích kết quả và kiểm định giả thuyết nghiên cứu

Kết quả phân tích nhân tố khẳng định cho thấy, các thang đo này đảm bảo độ phù hợp và tin cậy. Giá trị AVE đều vượt qua hệ số tương quan bình phương của các cặp biến. Kết quả thể hiện các biến là phân biệt. Mô hình đo lường cho các biến thể hiện độ phù hợp hợp lý với $\chi^2 = 251.1$, GFI=.91, CFI=.95, RMSEA=.057. Trong đó giá trị đo độ phù hợp của mô hình sử dụng giá trị GFI đạt từ 0,9 là mô hình tốt. CFI cao hơn 0,9 là mô hình phù hợp. Giá trị RMSEA nhỏ hơn 0,06 thì mô hình được coi là phù hợp. Kết quả phân tích

chỉ ra, khi hiệu quả kinh doanh cao thì tính bền vững của doanh nghiệp cũng cao ($\beta=0,20$, $p<0,01$). Giả thuyết H1 được chấp nhận. Kết quả phân tích mô hình cấu trúc cũng chỉ ra khi nhận thức của người lao động về phát triển bền vững cao thì phát triển bền vững cũng cao ($\beta=0,14$, $p<0,01$). Giả thuyết H2 được chấp nhận. Khi am hiểu về kế toán tốt thì doanh nghiệp phát triển bền vững hơn ($\beta=0,08$, $p<0,01$). Giả thuyết H3 được chấp nhận. Khi doanh nghiệp có mức độ công nghệ cao thì cũng phát triển bền vững hơn ($\beta=0,27$, $p<0,01$). Giả thuyết H4 được chấp nhận.

Bảng 3: Kết quả phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM)

Quan hệ hồi quy	Hệ số	Giá trị P	Nhận xét
1. BP $\rightarrow$ SD	0,20	0,00	Có ảnh hưởng thuận chiều
2. BR $\rightarrow$ SD	0,14	0,00	Có ảnh hưởng thuận chiều
3. AL $\rightarrow$ SD	0,08	0,00	Có ảnh hưởng thuận chiều
4. TN $\rightarrow$ SD	0,27	0,00	Có ảnh hưởng thuận chiều

5. Thảo luận và gợi ý quản lý

Kết quả nghiên cứu thể hiện khi hiệu quả kinh doanh tăng lên thì phát triển bền vững của doanh nghiệp cũng tăng lên. Như vậy hiệu quả kinh doanh có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Tập trung nâng cao hiệu quả kinh doanh sẽ góp phần vào sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, khả năng phục hồi kinh doanh cũng có tác động thuận chiều đến phát triển bền vững của doanh nghiệp. Khả năng phục hồi sau biến cố sẽ giúp doanh nghiệp phát triển ổn định và có vai trò lớn đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Am hiểu về kế toán là yếu tố rất quan trọng trong việc duy trì sự phát triển của doanh nghiệp. Một doanh nghiệp phát triển bền vững cần phải kiểm soát chi phí để duy trì lợi thế trong một môi trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt hiện nay.

Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra trình độ công nghệ ảnh hưởng đến phát triển bền vững của doanh nghiệp. Kết quả nghiên cứu này tương đồng với kết quả nghiên cứu được thực hiện bởi nhóm nghiên cứu của tác giả Đỗ Anh Tài và cộng sự (2024) cũng đã chỉ ra tối đa hóa công nghệ mang lại sự bền vững trong phát triển của doanh nghiệp.

Từ kết quả nghiên cứu này một số gợi ý quản lý đưa ra như sau:

Thứ nhất, các chủ doanh nghiệp nên phát triển tư duy và tầm nhìn dài hạn thông qua việc nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp để duy trì lợi thế phát triển lâu dài của doanh nghiệp. Phát triển kinh doanh cần phải chú trọng tới hiệu quả kinh doanh. Chỉ khi hiệu quả kinh doanh cao thì tính bền vững của doanh nghiệp mới tăng lên.

Thứ hai, khả năng phục hồi của doanh nghiệp cũng là một yếu tố quan trọng. Nền tảng

phát triển bền vững nằm ở mức độ chịu đựng rủi ro của doanh nghiệp. Xây dựng tiềm năng phục hồi đặc biệt là qua những biến cố sẽ giúp doanh nghiệp tồn tại và phát triển ổn định trong tương lai dài.

Thứ ba, cần phải chú trọng tới công tác kế toán kiểm soát chi phí để đảm bảo không lãng phí nguồn lực của doanh nghiệp. Các khoản chi phí trong hoàn cảnh nào cũng cần được kiểm soát để dự phòng cho các tình huống phát sinh. Ngoài ra, công nghệ cũng là yếu tố quan trọng trong duy trì

sự phát triển của doanh nghiệp nên cần phải có kế hoạch đầu tư cải tiến để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Ngoài ra, phải có một cách nhìn tổng thể, hệ thống về doanh nghiệp để từ đó có cân bằng và hài hòa các lợi ích trong phát triển hướng đến mang lại sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp. Trong đó cần phải xem xét các chính sách, giải pháp có cân nhắc tới lợi ích kinh tế, lợi ích xã hội và môi trường. Hài hòa các mối quan hệ giữa các bên liên quan có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự phát triển của các doanh nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Allgood, S. & Walstad, W. (2012). The Effects of Perceived and Actual Financial Literacy on Financial Behaviors. *SSRN Electronic Journal* 54(1).
- [2]. Baumgärtner, S., & Quaas, M. F. (2009). Ecological -economic viability as a criterion of strong sustainability under uncertainty. *Ecological Economics*, 68(7), 2008-2020.
- [3]. Đỗ Anh Tài, Ilma Ratnawati, Nguyen Bich Hong. (2024). Do Business Growth and Technology Maximization Assist MSMEs Sustainability under Uncertainty? *Innovation, Technology, and Entrepreneurship Journal Vol. 1, No.1* (2024).
- [4]. Huston, S. J. (2010). Measuring financial literacy. *Journal of Consumer Affairs*, 44(2).
- [5]. Jacobs, M. (1999). *Sustainable development as a contested concept*. In A. Dobson (Ed.), *Fairness and futurity: Essays on environmental sustainability and social justice* (pp. 21-46). Oxford, UK: Oxford University Press.
- [6]. Ittner, C.D. and Larcker, D.F. (1998). Are Nonfinancial Measures Leading Indicators of Financial Performance? An Analysis of Customer Satisfaction. *Journal of Accounting Research*, 36, 1-35.
- [7]. Jeon, B.N., Han, K.S. and Lee, M.J. (2006). Determining factors for the adoption of e-business: the case of SMEs in Korea. *Applied Economics* (38:16), 1905–1916.
- [8]. Jiazhe Sun, Shunan Wu, Kaizhong Yang. (2018). An ecosystemic framework for business sustainability. *Business Horizons, Volume 61, Issue 1*, 2018.
- [9]. Lau, Chong M. & Sholihin, Mahfud. (2005). Financial and nonfinancial performance measures: How do they affect job satisfaction?. *The British Accounting Review, Elsevier*, vol. 37(4), pages 389-413.
- [10]. Lusardi, A. & Mitchell, O. (2013). The Economic Importance of Financial Literacy: Theory and Evidence. *Journal of Economic Literature*, 52(1).
- [11]. Marchese D., Reynolds E., Bates, M. E., Morgan H., Clark S. S., Linkov I. (2017). Resilience and sustainability: Similarities and differences in environmental management applications. *The Science of The Total Environment* 613-614:1275-1283.
- [12]. Nur Laila Yuliani, Nur Laila Yuliani, & Faqiyatul Mariya Waharini. (2021). *Developing Instrument of Research on Growth Stage Model-Digital Era (GSM-DE) for MSMEs in 4.0 Era*, Hak penerbitan pada Unimma Press.
- [13]. Nguyễn Thị Phúc Doang và Nguyễn Văn Đại. (2023). Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển bền vững của doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam, *Tạp chí Kinh tế và Quản trị Kinh doanh*, tập 18, trang 44-54.

- [14]. Permatasari, D. (2023), Factors Influencing Business Sustainability of SMEs in Indonesia Post Covid-19 Pandemic. *Uropean Proceedings of Social and Behavioural Sciences*. DOI: 10.15405/epsbs.2023.11.14.
- [15]. Qian, C., Wang, H., Geng, X., & Yu, Y. (2017). Rent appropriation of knowledge-based assets and firm performance when institutions are weak: A study of Chinese publicly listed firms. *Strategic Management Journal*, 38(4), 892–911. Google Scholar.
- [16]. Sigar, F., R. , Lapian, J. S. L. H. V., Saerang, Regina T. (2022). Factors affecting the survival of micro, small and medium enterprises in Kakas District. *Jurnal EMBA : Jurnal Riset konomi, Manajemen, Bisnis dan Akuntansi*.
- [17]. Wise S. (2013). The Impact of Financial Literacy on New Venture Survival. *International Journal of Business and Management*; Vol. 8, No. 23; 2013.
- [18]. Widdowson, D. & Hailwood, K. (2007). *Financial literacy and its role in promoting a sound financial system*, *Reserve Bank of New Zealand Bulletin*, 70(2), 37-46.

Thông tin tác giả:

1. Phạm Văn Hạnh

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế & Quản trị Kinh doanh
- Địa chỉ email: pvha112@tueba.edu.vn

2. La Quý Dương

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế & Quản trị Kinh doanh

3. Nông Thị Dung

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế & Quản trị Kinh doanh

Ngày nhận bài: 15/4/2024

Ngày nhận bản sửa: 31/5/2024

Ngày duyệt đăng: 25/6/2024